

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLST – KDTM, ngày 19 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1. (Gọi tắt B).

Địa chỉ: T, C H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Tiêu Quang T1 – Giám đốc Phòng G – Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh K1. (giấy uỷ quyền số 1375/UQ – B.KT ngày 04/12/2024)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** ông Nguyễn Thọ K; sinh năm: 1974;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Đ; sinh năm: 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về số tiền phải thanh toán:**

Ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 16/01/2025 là: 2.526.053.164 đồng (*Hai tỷ năm trăm hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi ba ngàn một trăm sáu mươi tư đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 2.275.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 193.565.123 đồng; T2 lãi quá hạn: 57.488.041 đồng.

Lãi suất sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày 17/01/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số MERGFIELD SO\_HDTD 01/2023/2927851/HĐTD ngày 13/10/2023 Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 08/08/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 09/08/2023; Hợp đồng tín dụng cụ thể ngày 14/11/2023 trên số tiền thực nợ cho đến khi ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ trả dứt nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92; tờ bản đồ số 81; diện tích: 6910,6m<sup>2</sup>; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 484032 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 08/10/2020. Số vào sổ cấp GCN: CS02378. Mang tên ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 101, 109; tờ bản đồ số 81; diện tích: 12.805,2m<sup>2</sup>; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 484031 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 08/10/2020. Số vào sổ cấp GCN: CS02376. Mang tên ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152; tờ bản đồ số 81; diện tích: 13.928,5m<sup>2</sup>; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 493700 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 05/10/2020. Số vào sổ cấp GCN: CS02375. Mang tên ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 93; tờ bản đồ số 81; diện tích: 16.386,7m<sup>2</sup>; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 484033 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh K cấp ngày 08/10/2020. Số vào sổ cấp GCN: CS02377. Mang tên ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 147; tờ bản đồ số 81; diện tích: 17.793,0m<sup>2</sup>; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 767099 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 13/03/2018. Số vào sổ cấp GCN: CH01600. Chính lý biến động: Ngày 25/9/2020, đính chính CMND của ông Phạm Phúc C và bà Bùi Thị T3. Ngày 30/9/2020, thay đổi tài sản gắn liền với đất từ cây cao su, diện tích 17.793,0m<sup>2</sup> sang cây cà phê 17.793,0m<sup>2</sup>. Ngày 12/10/2020 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 14; tờ bản đồ số 100; diện tích: 6806m<sup>2</sup>; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 380427 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30/01/2011, số vào sổ cấp GCNCH: 00322. Chính lý biến động: Ngày 14/01/2015 từ hộ ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ thành ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết khoản nợ vay và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) thì ông Nguyễn Thọ K và bà Lê Thị Đ vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

#### **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:**

Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) các đương sự phải chịu, ông Nguyễn Thọ K thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Nguyễn Thọ K phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

#### **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do hòa giải thành nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định của số tiền phải thanh toán, tính được là 41.260.531 đồng (*Bốn mươi một triệu hai trăm sáu mươi ngàn năm trăm ba mươi một đồng*). Số tiền này, ông Nguyễn Thọ K thỏa thuận chịu toàn bộ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 40.303.916 đồng (*Bốn mươi triệu ba trăm lẻ ba ngàn chín trăm mười sáu đồng*) theo biên lai số: 0001463 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Quách Văn Nurm**